

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 477 | Ngày: 14/08/2026 21:38

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 1.717.000 đ

Tiền mặt: 973.000 đ

Chuyển khoản Tingbox: 744.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Doanh thu cả ngày: 4.394.000 đ

Tiền mặt cả ngày: 2.462.000 đ

Chuyển khoản cả ngày: 1.932.000 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 0 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên           | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio     | 3.00 Cái     | 0.77 Cây    | 0.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao     | 143.00 gram  | 0.71 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay    | 489.00 gram  | 0.51 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam | 312.00 gram  | 0.69 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Cà Phê        | 534.00 gram  | 1.47 túi    | 1.00 túi        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Đào Ngâm      | 1062.00 gram | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 7   | Mứt đào              | 528.00 gram | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Hồng Trà             | 263.00 gram | 0.56 Gói    | 4.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9   | Soda                 | 23.00 lon   | 0.00 Lon    | 12.00 Lon       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Syrup Bạc Hà         | 91.00 ml    | 0.67 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Syrup Lựu Đỏ         | 180.00 ml   | 0.74 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Mứt Chanh Dây        | 729.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Mứt Kiwi             | 669.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Mứt Mãng Cầu         | 1113.00 ml  | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mứt Việt Quất        | 1121.00 ml  | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mứt Xoài             | 676.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Sữa Tươi Không Đường | 546.00 ml   | 2.45 Hộp    | 1.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Syrup Curacao        | 790.00 ml   | 0.01 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Syrup Đào            | 466.00 ml   | 0.53 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Mứt ổi hồng          | 211.00 gram | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                      | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|--------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 21  | Trà Ô Long               | 69.00 gram   | 0.89 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Nước suối                | 15.00 chai   | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23  | Trà Ô Long Đào           | 508.00 gram  | 0.15 Gói    | 5.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Trân Châu 3Q Ngọc Trai   | 325.00 gram  | 0.84 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Sốt Matcha               | 74.00 ml     | 0.88 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Sốt Chocolate            | 82.00 ml     | 0.87 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Syrup Táo                | 586.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Bột Kem Muối             | 244.00 ml    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | Bia Heineken bạc         | 9.00 Lon     | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | Bia Heineken xanh        | 19.00 Lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Cam                      | 5608.00 gram | 0.00 Kg     | 3000.00 Kg      | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Cà Rốt                   | 6400.00 gram | 0.00 Kg     | 2799.00 Kg      | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Bánh yến mạch gạo lức đỏ | 453.00 gram  | 0.00 gram   | 0.00 gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Coca Cola                | 25.00 lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                       | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 35  | Dưa Hấu                   | 2017.00     | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Pepsi                     | 21.00 lon   | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37  | Trà dưỡng tâm             | 6.00 Gói    | 4.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Trà dưỡng nhan            | 4.00 Gói    | 6.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Đậu Phộng Tỏi Ớt          | 26.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 24.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Hướng Dương               | 25.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Bột Matcha                | 734.00 gram | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Trà lài                   | 374.00 Gram | 0.00 Gói    | 10.00 Gói       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44  | Rich lùn                  | 315.00 ml   | 0.00 hộp    | 1.00 hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 45  | Yaourt                    | 28.00 Hũ    | 0.00 Hũ     | 20.00 Hũ        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 46  | Bánh dad                  | 22.00 Gói   | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 47  | Cốt chanh                 | 920.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 48  | Mứt hạt dẻ cười           | 194.00 Gram | 0.00 Gr     | 0.00 Gr         | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên              | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 49  | Sốt caramel muối | 566.00 Gr    | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 50  | Syrup Atiso      | 261.00 Gram  | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 51  | Syrup Bí đao     | 967.00 Gr    | 0.00 Gr     | 0.00 Gr         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 52  | Syrup vải        | 626.00 Gram  | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 53  | Syrup hazelnut   | 459.00 Gram  | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 54  | Syrup hoa hồng   | 989.00 Gram  | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 55  | Syrup trà xanh   | 566.00 Gram  | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 56  | Syrup vanilla    | 894.00 Gram  | 0.00 Gram   | 1.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 57  | Tiger Bạc        | 3.00 Lon     | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 58  | Sốt hạt dẻ cười  | 2539.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....